



H C ANH NG TRÊN ĐÀI VOA

Đ nghe bài h c, xin [B M VÀO ĐÁY](#)

Đây là Ch ng Trình Anh Ng Sinh Đ ng New Dynamic English bài 188. Ph m V n xin kính chào quí v thính gi . Bài h c hôm nay b t đ u b ng ph n câu h i và tr i. Nh i bài tr c: cô Jenny là m t ng i m u th i trang. Jenny is a fashion model. Cô m c áo vét m u xanh lá cây, áo s -mi m u tr ng, và váy m u đen. Jenny wears a green jacket, a white blouse, and a black skirt. Mùa xuân hay mùa h cô thích m u t i. Jenny likes bright colors in the spring and summer. Mùa thu hay đ ng cô thích m c m u s m. Jenny likes dark colors in the fall or winter.

Language Focus. Listen and answer.

Cut 1

Larry: Listen and answer.

Listen for the bell, then say your answer.

Max: Is Jenny's jacket blue?

(ding)
(pause for answer)

Max: No, it isn't. It's green.

(short pause)

Max: What color skirt is she wearing?

(ding)
(pause for answer)

Max: She's wearing a black skirt.

(short pause)

Max: Her blouse is white, isn't it?

(ding)

(pause for answer)

Max: Yes, it is. It's white.

(short pause)

Max: Does Jenny wear dark colors in the spring and summer?

(ding)

(pause for answer)

Max: No, she doesn't. In the spring and summer, she wears bright colors.

(short pause)

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong phần đàm thoại sắp tới, ta nghe hai vợ chồng Brian và Sally sẽ nói về chiếc áo đi ăn tối. Blind=mù. Colorblind=(nghĩa trong bài) nhìn màu không rõ. Colorblind, còn có nghĩa khác, là không kể th màu da. This court is colorblind. =tòa án này công bằng, không kể th màu da. Xin nghe trước rồi nghe lại và lặp lại. Pumpkin=qu bí ngô. Pants=ch quần pantaloons=quần dài. Pants thường dùng để chỉ quần. Một chiếc quần dài=> a pair of pants, a pair of trousers. Lưu ý đến động từ: This pair of pants is new=these pants are new.=cái quần này mới.

Cut 2

Daily Dialogue: Getting Dressed (Part 2)

Larry: Daily Dialogue: Getting Dressed (Part 2)

The man is colorblind.= Anh ta không biết phân biệt màu.

· Colorblind.=không biết phân biệt màu.

You should tell me how I look. Em ph i cho anh bi t anh trông ra sao.

Right now, you look like a pumpkin. Ngay bây gi , trông anh nh qu bí ngô.

Larry: Listen to the conversation.

Sally: Is there any other shirt you could wear?

(short pause)

Brian: What do you mean?

(short pause)

Sally: Honey, your shirt is orange and your pants are green!

(short pause)

It's awful!

(short pause)

Brian: Oh, no. I thought this was my blue shirt.

(short pause)

Sally: I'm afraid it's not.

(short pause)

Brian: Well, you know that I'm colorblind!

(short pause)

You should tell me how I look.

(short pause)

Sally: Well, right now, you look like a pumpkin.

(short pause)

Brian: Thanks.

(short pause)

Larry: Listen and repeat.

Brian: Well, you know that I'm colorblind!

(pause for repeat)

You should tell me how I look.

(pause for repeat)

Sally: Well, right now, you look like a pumpkin.

(pause for repeat)

Brian: Thanks.

(pause for repeat)

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong ph n Man on the Street, Ng i Ngo ài Ph , Kent Moss nói chuy n v i ông Blake Hines, m t h a sĩ, v vài b c h a c a ông bên ngoài B o tàng vi n Ngh thu t Qu c Gia Washington, D.C., National Gallery of Art. Line=đ ng. Shape=hình. A leaf=lá cây, s nhi u leaves. A painting=b c h a.

Cut 3

Man on the Street: Artist

Larry: Man on the Street

Kent talks with an artist about his paintings.

- pink m u h ng
- a flower bông hoa
- a grape qu nho.

MUSIC

Kent: This is the New Dynamic English Man on the Street, Kent Moss.

I'm standing in front of a painting at the National Gallery of Art.

With me is the artist, Blake Hines.

Blake, what do you call this painting?

Blake: I call it "Winter."

Kent: Ah...I see... the black lines look like trees in winter, trees with no leaves.

Blake: Yes. That's right.

Kent: And this painting over here, with a lot of red, pink and green.

These shapes look like... flowers.

Is this... "Spring?"

Blake: Right again! It's called "Spring."

Kent: And, of course, this one with lots of brown, orange and yellow...

It's "Fall," isn't it?

Blake: Yes, "Fall."

Kent: And this one... let's see... there's a large red... uh, shape, and over here... these look like bright green grapes...

Blake Well... actually...

Kent: No, no, don't tell me!

It's "Summer," isn't it?

Blake: Well...actually...no.

I call this one... "Mother."

Kent: Ah... well... It's a very... nice picture.

MUSIC

NDE Closing

Larry: A Question for You

Max: Now here's a question for you.

Larry: Listen for the bell, then say your answer.

Max: What's your favorite color?

(ding)

(pause for answer)

Max: Hmmm. That's a nice color.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Ph n t i là Câu chuy n gi a bài, Story Interlude, ch đ A Hazy Day, m t ngày mù s ng, u ám. Haze=s ng mù, mist. Humid=m th p. Air conditioning system=h th ng máy l nh. An air conditioner=máy l nh. Summer is finally here! Bây gi đ n mùa hè r i! We slept with the windows open.=chúng tôi ng đ ng c a s . Fan=q at. Weather report=bá cáo th i ti t. The weather report says it'll get better by the end of the week.=bá cáo th i ti t nói tr i s t t h n vào cu i tu n. It feels like it's going to rain=tr i có v mu n m a. We had the air conditioning on all night=chúng tôi m máy l nh su t đêm. Boy, it's hot outside=Úi chà, bên ngoài nóng quá. [Ch "boy" là m t ti ng interjection, tán thán t , di n t s ng c nhiên.]

Cut 4

Story Interlude: A Hazy Day

Larry: OK... and we're off the air.

Kathy: Wow! Can you believe how hot it is today?

Max: I know. It's really hot.

Larry: Yes, it's hot today. Summer is finally here!

Kathy: And it's so humid!

It feels like it's going to rain.

But I don't think it will.

Larry: We had the air conditioning on all night.

Max: We did, too.

Is it always this hot and humid in D.C., Larry?

Larry: Unfortunately, yes.

And years ago nobody had air conditioning.

Kathy: What did you do?

Larry: We had fans! Lots of fans!

And we slept with the windows open.

Kathy: The weather report says it'll get better by the end of the week.

Larry: I sure hope so!

SFX: Elizabeth entering

Eliz: Hi, Max, Kathy.

Boy, it's hot outside!

Max: We know. I think I'll stay inside today!

Larry: Alri-i-ght. Ready for Functioning in Business. Quiet, please.

Vietnamese Explanation

Trong đó n t i, Functioning in Business, Anh Ngữ Trung Cấp, m t ch ng trnh v t p t c và văn hóa trong th ng tr ng Hoa K , ta nghe ph n Coming to Agreement, Part 5, Đi t i th a thu n, ph n 5. Ta nghe ông Blake bàn v v n đ ph ùng thay th , spare parts. Ông Chapman nói v v n đ ch a ph ùng thay th , the problem of storing spare parts. To store=ch a, storage= (n.) s , n i ch a đ . My old books are stored in boxes.=sách cũ c a tôi đng trong thng. Storehouse, storeroom, warehouse=nà kho ch a đ hay s n ph m. Certainty=s ch c

ch n. Nh ng ch di n t s ch c ch n: definitely, absolutely; certainly, sure. Uncertainty=s không ch c: I'm not sure.=tôi không ch c; something about... m t đ u gì đó v ; might, past tense c a may, di n t s không ch c. Đ ý: certain (adjective); certainly (adverb); certainty (noun).

Cut 5

FIB Opening

FIB MUSIC lead-in and then background

Eliz: Hello, I'm Elizabeth Moore. Welcome to Functioning in Business!

MUSIC swells and fades

Larry: Functioning in Business is an intermediate level business English course with a focus on American business practices and culture.

Today's unit is "Coming to Agreement, Part 5."

This program focuses on Certainty and Uncertainty.

MUSIC

Interview: Charles Blake

Larry: Interview

Eliz: Today, we are talking again to Mr. Charles Blake.

SFX: Phone beep

Eliz: Hello, Mr. Blake.

Blake: Hello again!

Eliz: Today, we're listening to your conversation with Mr. Chapman.

Blake: Yes, at the end of the conversation, we talked about the issue of spare parts.

Eliz: Let's listen to that conversation.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Quý vå vå a håc xong bài 188 trong ChångTrình Anh Ngữ Sinh Động New Dynamic English.
Phåm Văn xin kính chào quý vå thång giå và xin hån gåp låi trong bài håc kå tiåp